

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 27 -11-2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: +Ông Huỳnh Văn Ngoan

+Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 487/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Ti, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Trí T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

- Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Lê Trí T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 31/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ

chồng thường xuyên cự cãi do chị muốn đi làm nhưng anh T không đồng ý. Vào tháng 02/2020, chị và mẹ chồng có mâu thuẫn, chị có uống thuốc bảo vệ thực vật và được đưa đến bệnh viện cứu chữa, khoảng hai tháng nay chị về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và đồng ý giao cháu Q cho anh T nuôi, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn – anh Lê Trí T trình bày:* Anh thống nhất với những lời trình bày của chị H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn như chị H trình bày là không đúng, giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chị H có mâu thuẫn nhỏ với mẹ chồng. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau.

Về con chung: anh yêu cầu nuôi hai con chung là Lê Ngọc Q, Lê Ngọc Tr vì từ nhỏ đến nay các con vẫn đang sống chung với anh. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc xin ly hôn đối với anh Lê Trí T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 17/8/2020, chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T; giao con chung tên Lê Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2018 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Trí T thống nhất thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Thống nhất thuận tình ly hôn.

-Về con chung: giao hai con chung cho anh Lê Trí T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T chưa có yêu cầu.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T về con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Trí T thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

-Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2018 cho anh Lê Trí T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T chưa có yêu cầu.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Xét việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được hội đồng xét xử công nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 4 Điều 147, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Sửa toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Trí T.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Trí T về các vấn đề sau:

-Về con chung: Anh Lê Trí T được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2018.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Trí T chưa yêu cầu.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0005622 ngày 09/7/2020 và 0005757 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3/-Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- UBND xã S, h. C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

